

TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ DĨ AN
TỈNH BÌNH DƯƠNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 83/2023/TLST-HNGĐ

Ngày: 27- 6 -2023

V/v tranh chấp về cấp dưỡng

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ DĨ AN, TỈNH BÌNH DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thương.

Các Hội thẩm nhân dân:

- Ông Trịnh Văn Lực;
- Ông Tô Văn Nhung.

- Thư ký phiên tòa: Bà Đỗ Thị Hương Giang - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương.

Trong ngày 27 tháng 6 năm 2023, tại phòng xét xử B, trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 220/2023/HNGĐ - ST ngày 06/6/2023 về việc “Tranh chấp về cấp dưỡng” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 77/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 08/6/2023 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Trịnh Thị L, sinh năm 1980; thường trú: 17/2/13 (số cũ 5/30) đường Lê Văn T1, khu phố B, phường B1, Thành phố A, tỉnh Bình Dương; Có mặt.

- *Bị đơn:* Ông Trần Khắc T, sinh năm 1973; thường trú: Xóm 5 L, xã L1, huyện N1, tỉnh Hà Nam; tạm trú: Số 68/13A, Tổ 13, khu phố Đ, phường H, Thành phố A, Tỉnh Bình Dương. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện đề ngày 26/4/2023 và ý kiến trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Trịnh Thị L trình bày:

Bà và ông Trần Khắc T kết hôn hợp pháp vào năm 2004. Trong quá trình chung sống vợ chồng xảy ra nhiều mâu thuẫn không thể hòa giải được nên đã ly hôn theo Bản án số 04/2023/HNGĐ-ST ngày 11/01/2023 của Tòa án nhân dân thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương. Tại Bản án nêu trên Tòa án giải quyết như sau:

Về quan hệ hôn nhân: Bà Trịnh Thị L được ly hôn với ông Trần Khắc T (Theo giấy chứng nhận kết hôn số 49, quyền số 01/2004 do Ủy ban nhân dân xã L2 (nay là thị trấn L2), huyện L3, tỉnh Thanh Hóa vào ngày 22/4/2004).

Về con chung: Ông Trần Khắc T có trách nhiệm giao con chung là cháu Trần Khắc Minh Đăng, sinh ngày 26/01/2009 cho bà Trịnh Thị L tiếp tục nuôi dưỡng. Ghi nhận sự tự nguyện của bà Trịnh Thị L không yêu cầu ông Trần Khắc T cấp dưỡng nuôi con. Riêng cháu Trần Trịnh Minh A, sinh ngày 03/8/2004 đã trưởng thành nên không xem xét, giải quyết.

Về tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản (nợ chung): Bà Trịnh Thị L không yêu cầu nên không xem xét, giải quyết.

Sau khi ly hôn, bà L là người trực tiếp nuôi dưỡng cả hai con chung. Tuy nhiên, sau khi có Bản án của Tòa án, ông T đã đuổi ba mẹ con bà L ra khỏi nhà. Mặc dù cháu Trần Trịnh Minh A đã trưởng thành nhưng hiện nay cháu đang học Đại học, thu nhập của một mình bà L không đủ để trang trải cuộc sống cũng như chi phí học hành cho các con. Nay bà L yêu cầu ông Trần Khắc T phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi cháu Trần Khắc Minh Đ1 mỗi tháng 3.000.000 đồng cho đến khi cháu Đăng đủ 18 tuổi. Thời hạn cấp dưỡng kể từ ngày bà L nộp đơn 19/5/2023.

Tại phiên tòa bà L thay đổi thời điểm cấp dưỡng nuôi cháu Đăng bắt đầu từ ngày 01/7/2023 cho đến khi cháu Đăng đủ 18 tuổi.

- *Tại bản tự khai ngày 07/6/2023 và trong quá trình tố tụng, bị đơn ông Trần Khắc T trình bày:*

Thông nhất với lời trình bày của bà Trịnh Thị L về việc kết hôn và ly hôn. Quá trình chung sống ông, bà có 02 người con chung Trần Trịnh Minh A và Trần Khắc Minh Đ1. Cháu Anh hiện đang học Học Viện hàng không năm thứ 2, còn cháu Đ1 hiện đang học lớp 9.

Theo Bản án số 04/2023/HNGĐ-ST ngày 11/01/2023 Tòa án giải quyết về phần con chung như sau: Ông Trần Khắc T có trách nhiệm giao con chung là cháu Trần Khắc Minh Đăng, sinh ngày 26/01/2009 cho bà Trịnh Thị L tiếp tục nuôi dưỡng. Ghi nhận sự tự nguyện của bà Trịnh Thị L không yêu cầu ông Trần Khắc T cấp dưỡng nuôi con. Riêng cháu Trần Trịnh Minh A, sinh ngày 03/8/2004 đã trưởng thành nên không xem xét, giải quyết. Sau khi có Bản án của Tòa án, ông T vẫn qua thăm nom các con, tuy không phụ giúp bà L về vấn đề tài chính nhưng ông T có mua sữa, thực phẩm cho các con.

Hiện nay ông T làm công việc buôn bán tự do thu nhập mỗi tháng dao động khoảng 8.000.000 đồng - 10.000.000 đồng. Do ông T làm nghề tự do nên không thể cung cấp bằng lương cho Tòa án. Nay bà L yêu cầu ông cấp dưỡng nuôi con Trần Khắc Minh Đ1 mỗi tháng 3.000.000 đồng cho đến khi cháu Đ1 đủ 18 tuổi thì ông T không đồng ý. Nếu trường hợp bà L không nuôi được con chung thì ông T đề nghị bà L giao lại con chung Trần Khắc Minh Đ1 cho ông T trực tiếp nuôi dưỡng và ông T không yêu cầu bà L thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con.

Tại phiên tòa ông T đồng ý để bà L tiếp tục nuôi dưỡng cháu Đ1 và ông T có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi cháu Đ1 3.000.000 đồng/tháng, thời điểm cấp dưỡng từ ngày 01/7/2023 cho đến khi cháu Đ1 thành niên (đủ 18 tuổi).

- *Tại bản tự khai cháu Trần Khắc Minh Đ1 trình bày:* Cháu có nguyện vọng ở với mẹ. Bố cháu muốn trực tiếp nuôi dưỡng cháu Đ1 thì cháu Đ1 không đồng ý vì khi ở với bố cháu cảm thấy bị áp lực, bố không chăm sóc cháu đầy đủ, chu đáo, cẩn thận cho cháu như mẹ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Quá trình tố tụng: Bà Trịnh Thị L khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương giải quyết việc tranh chấp về cấp dưỡng nuôi con sau ly hôn với ông Trần Khắc T nên đây là vụ án tranh chấp về cấp dưỡng theo quy định tại khoản 5 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng Dân sự. Ông Trần Khắc T có địa chỉ nơi cư trú tại số 68/13A, tổ 13, khu phố Đ, phường H, Thành phố A, tỉnh Bình Dương nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

[2] Về nội dung:

[2.1] Bà Trịnh Thị L và ông Trần Khắc T trước đây là vợ chồng, quá trình chung sống ông, bà có 02 người con chung là các cháu Trần Trịnh Minh A, sinh ngày 03/8/2004 và Trần Khắc Minh Đ1, sinh ngày 26/01/2009. Cuối năm 2022 bà L nộp đơn khởi kiện tranh chấp ly hôn, nuôi con. Tại Bản án số Hôn nhân và gia đình số 04/2023/HNGĐ-ST ngày 11/01/2023 của Tòa án nhân dân thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương quyết định giao con chung Trần Khắc Minh Đ1 cho bà L trực tiếp nuôi dưỡng và bà L không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con. Tại thời điểm đó, cháu Trần Trịnh Minh A đã trưởng thành nên không yêu cầu giải quyết. Tuy nhiên, sau khi ly hôn, bà L một mình nuôi 02 con ăn học. Mặc dù cháu Minh A đã trưởng thành nhưng hiện đang học Đại học Hàng không, thu nhập của bà L không đáp ứng được chi phí ăn học cho cả 2 cháu nên bà L đã khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông T có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi cháu Trần Khắc Minh Đ1 mỗi tháng 3.000.000 đồng, thời điểm cấp dưỡng tính từ ngày 19/5/2023 (ngày nộp đơn khởi kiện) cho đến khi cháu Đ1 đủ 18 tuổi. Quá trình tố tụng ông T không đồng ý yêu cầu của bà L vì ông cho rằng Bản án số 04/2023/HNGĐ-ST ngày 11/01/2023 bà L không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung, ngoài ra thu nhập của ông chỉ dao động từ 8.000.000 đồng – 10.000.000 đồng. Nếu bà L không đủ điều kiện nuôi cháu Đ1 thì ông yêu cầu bà L giao lại cháu Đ1 cho ông nuôi và ông T không yêu cầu bà L cấp dưỡng nuôi con.

[2.2] *Xét về yêu cầu cấp dưỡng của nguyên đơn bà Trịnh Thị L:* Tại khoản 1 Điều 71 Luật Hôn nhân và Gia đình quy định “*Cha, mẹ có nghĩa vụ và quyền ngang nhau, cùng nhau chăm sóc, nuôi dưỡng con chưa thành niên, con đã thành niên mất năng lực hành vi dân sự, không có khả năng lao động và không có tài sản để tự nuôi mình*”. Ngoài ra, khoản 1 Điều 81 Luật Hôn nhân và Gia đình quy định “*Sau khi ly hôn, cha, mẹ vẫn có quyền, nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chưa thành niên, con đã thành niên mất năng lực hành vi*

dân sự hoặc không có khả năng lao động và không có tài sản để tự nuôi mình theo qui định của Luật này, Bộ luật Dân sự và các luật khác có liên quan”.

Như vậy, cha mẹ (kể cả khi đã ly hôn) thì có nghĩa vụ và quyền ngang nhau, cùng nhau chăm sóc, nuôi dưỡng con chưa thành niên, con đã thành niên mất năng lực hành vi dân sự, không có khả năng lao động và không có tài sản để tự nuôi mình. Khi ly hôn, cháu Đăng được giao cho bà L trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi cháu thành niên. Mặc dù theo quyết định của bản án, bà L tự nguyện không yêu cầu ông T thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con. Tuy nhiên, do hiện nay điều kiện kinh tế khó khăn, thu nhập của bà L không đáp ứng được chi phí sinh hoạt và học tập của cháu Đ1 vì ngoài việc nuôi dưỡng cháu Đ1 thì bà L còn phải nuôi con chung Minh A học Đại Học. Do đó, bà L yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con là có căn cứ.

[2.3] *Về mức cấp dưỡng:* Theo quy định tại Điều 116 Luật Hôn nhân và Gia đình thì “*mức cấp dưỡng do người có nghĩa vụ cấp dưỡng và người được cấp dưỡng hoặc người giám hộ của người đó thỏa thuận căn cứ vào thu nhập, khả năng thực tế của người có nghĩa vụ cấp dưỡng và nhu cầu thiết yếu của người được cấp dưỡng; nếu không thỏa thuận được thì yêu cầu Tòa án giải quyết*”. Về mức cấp dưỡng do các bên thỏa thuận hoặc căn cứ vào thu nhập, khả năng kinh tế của người có nghĩa vụ cấp dưỡng để ấn định cho phù hợp.

Xét, về điều kiện kinh tế của bà L thấy rằng: Hiện nay bà L làm nhân viên văn phòng, thu nhập hàng tháng 15.000.000 đồng, tuy nhiên, ngoài cháu Đ1 thì bà L còn phải nuôi cháu A dù đã trưởng thành nhưng đang học Đại học. Đối với ông T công việc là buôn bán tự do nên không có giấy tờ chứng minh mức thu nhập. Tuy nhiên quá trình giải quyết vụ án ông T khai nhận ông có mức thu nhập dao động từ 8.000.000 đồng – 10.000.000 đồng/tháng. Sau khi xem xét thu nhập, khả năng kinh tế của anh T và nhu cầu thiết yếu của con chung ở độ tuổi chưa thành niên hiện nay tại địa bàn thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương. Xét thấy, bà L yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con chung Trần Khắc Minh Đ1 với số tiền 3.000.000 đồng/tháng là phù hợp. Tại phiên tòa, ông T cũng đồng ý với mức cấp dưỡng mà bà L yêu cầu nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

[2.4] *Thời điểm cấp dưỡng:* Theo quy định tại các Điều 82, 83; khoản 24 Điều 3, Điều 107, 110 Luật Hôn nhân và Gia đình thì nghĩa vụ cấp dưỡng của cha mẹ đối với con chưa thành niên được phát sinh từ khi con được sinh ra. Việc cấp dưỡng nuôi con vừa là quyền vừa là nghĩa vụ của cha, mẹ không trực tiếp nuôi con. Tại phiên tòa, bà L và ông T thống nhất thời điểm cấp dưỡng nuôi cháu Đăng từ ngày 01/7/2023 cho đến khi cháu Đ1 thành niên (đủ 18 tuổi). Đây là sự tự nguyện của các đương sự, do đó Hội đồng xét xử ghi nhận.

[3] Từ những phân tích trên có căn cứ chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm: Ông Trần Khắc T phải chịu án phí sơ thẩm theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào khoản 5 Điều 28, các Điều 35, 39, 92, 147, 235, 264, 266 và 273 của Bộ luật Tố tụng Dân sự;

- Áp dụng các Điều 68, 69, 71, 82, 83, 107, 110, 116, 117 và 119 của Luật Hôn nhân và Gia đình; Khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự;

- Căn cứ vào Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội qui định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Trịnh Thị L đối với bị đơn ông Trần Khắc T về việc tranh chấp về cấp dưỡng.

Buộc ông Trần Khắc T phải cấp dưỡng nuôi cháu Trần Khắc Minh Đ1, sinh ngày 26/01/2009 số tiền 3.000.000 đồng/tháng kể từ ngày 01/7/2023 cho đến khi cháu Đ1 thành niên (đủ 18 tuổi).

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành án chậm trả số tiền trên thì hàng tháng người phải thi hành án còn phải trả cho người được thi hành án khoản tiền lãi theo mức lãi suất qui định tại Khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015 tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án.

2. Về án phí: Ông Trần Khắc T phải nộp 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm về phần cấp dưỡng nuôi con. Hoàn trả lại cho bà Trịnh Thị L 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm bà L đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí tòa án số 0006446 ngày 30/5/2023 của Chi cục Thi hành án Dân sự thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương.

3. Đương sự có mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ tuyên án.

Bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- VKSND TP. Dĩ An;
- Chi cục THADS TP. Dĩ An;
- TAND tỉnh Bình Dương;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN -CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Thương

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Thương

